

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/DS-PT
Ngày: 17/04/2018
Về/v tranh chấp “Đòi lại tài
sản, quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu

Các Thẩm phán:

Ông Cao Minh Lễ

Ông Hoàng Ngọc Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Hồ Văn Ta, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/DSPT, Ngày 23 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 129/2017/DSST Ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2018/QĐXX-DSPT Ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Trần Thế H, sinh năm 1933

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956

Cùng cư trú: Tổ 24, khóm L, phường T, thị xã TC, tỉnh AG.

Đại diện ủy quyền ông Trần Thế H, bà Nguyễn Thị N có bà Trần Kim Ph, sinh năm 1980, nơi cư trú: Tổ 24, khóm L, phường T, thị xã TC, tỉnh AG. (Giấy ủy quyền Ngày 08/6/2017) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thạch T, Văn phòng Luật sư Nguyễn Thạch T, trụ sở: 50/ABC, phường A, quận G, thành phố H thuộc Đoàn Luật sư H. (có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Mai Văn P, sinh năm 1962, (có mặt)

Bà Trương Thị Ng, sinh năm 1962

Cùng cư trú: số 196^A tổ 24, khóm L, phường T, thị xã TC, tỉnh AG.

Địa diện ủy quyền bà Trương Thị Ng có ông Mai Văn P, sinh năm 1962, nơi cư trú: số 196^A tổ 24, khóm L, phường T, thị xã TC, tỉnh AG. (Giấy ủy quyền Ng 03/4/2018) (có mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân thị xã TC, tỉnh AG. Trụ sở: đường T, khóm D, thị xã TC, tỉnh AG.

Đại diện ủy quyền hợp pháp của UBND Thị xã TC: ông Đặng Văn L, sinh năm 1968, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã TC, tỉnh AG. (Văn bản ủy quyền số 1368/UQ-UBND, Ng 30/12/2016). Địa chỉ: đường T, khóm D, thị xã TC, tỉnh AG. (có đơn xin vắng mặt)

3.2. Ông Mai Phước K, sinh năm 1989.

3.3. Ông Mai Phước Q, sinh năm 1991.

Cùng cư trú: số 196^A tổ 24, khóm L, phường T, thị xã TC, tỉnh AG

3.4. Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1927. (đã chết Ng 24/4/2017).

3.5. Ông Huỳnh Hữu N, sinh năm 1957. Nơi cư trú: số 1234 đường T, khóm L, phường T, thị xã TC, tỉnh AG. (vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* ông Mai Văn P (bị đơn) và bà Trần Kim Ph (đại diện ủy quyền nguyên đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

1. *Theo đơn khởi kiện và bản tự khai Ng 03 tháng 11 năm 2015 của ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N, tại Tòa chi Trần Kim Ph đại diện trình bày:*

Nguồn gốc đất đang tranh chấp với ông Mai Văn P là của bà Nội chi để lại cho cha mẹ chị là ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N thừa hưởng.

Năm 1984, cha mẹ chị có cho ông Mai Phước H cất nhà ở nhờ diện tích đất khoảng 36,90m², ông Mai Phước H có làm bằng cam kết xin ở 01 xác lá, thời gian là 05 năm (từ tháng 10 năm 1984 đến tháng 10 năm 1989), có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Đến tháng 10 năm 1989, cha chị có kêu ông Mai Phước H thực hiện theo bằng cam kết nhưng ông Mai Phước H xin ở thêm 01 thời gian để ông tìm nơi ở mới, chưa tìm được nơi ở mới thì ông Mai Phước H chết. Sau khi ông Mai Phước H chết, bà Lê Thị Ng và gia đình ông Mai Văn P vẫn tiếp tục ở ổn định.

Năm 2005, cha mẹ chị kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, trên đất gồm có 02 căn nhà ở nhờ, nhà của ông Mai Văn P và nhà của bà Nguyễn Thị Yến H, ông P và bà H đều ký tên vào tờ cam kết xin ở tạm trên đất.

Năm 2006, cha mẹ chị được Ủy ban nhân dân huyện TC (nay là UBND thị xã TC) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H02681Ea ký Ngý 22 tháng 8 năm 2006, có tổng diện tích là 700,50m², thửa đất số: 38, tờ bản đồ số: 17, loại đất ở 300m² + cây lâu năm 400,50m², khu đất tọa lạc khóm L, phường T, thị xã TC, tỉnh AG (nay là khóm T, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG).

Chị Trần Kim Ph cho rằng, cha mẹ chị đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Mai Văn P tháo dỡ, di dời K bộ căn nhà đi nơi khác, để trả lại diện tích đất 36,90m² cho gia đình chị sử dụng, cha mẹ chị sẽ hỗ trợ tiền di dời nhà cho gia đình ông Mai Văn P là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) nhưng gia đình ông Mai Văn P không đồng ý Ln P sinh tranh chấp.

Tại Tòa hôm Ny, chị Trần Kim Ph thay đổi yêu cầu đối với diện tích đất đang tranh chấp là 36,90m² theo đơn khởi kiện Ngý 03 tháng 11 năm 2015. Chị Trần Kim Ph yêu cầu gia đình ông Mai Văn P, bà Trương Thị Ng, anh Mai Phước K và anh Mai Phước Q phải tháo dỡ, di dời K bộ căn nhà đi nơi khác ở, để trả lại diện tích đất 32,80m² theo kết quả đo đạc thực tế vào Ngý 19 tháng 7 năm 2017 cho gia đình chị sử dụng, chị Ph cũng không đồng ý hỗ trợ tiền di dời nhà cho gia đình ông Mai Văn P.

2. Bị đơn là ông Mai Văn P và bà Trương Thị Ng do ông Mai Văn P đại diện trình bày:

Nguồn gốc đất gia đình ông đang ở là của bà Nội ông Trần Thế H cho ông bà Ngoại của ông ở nhờ, ông bà ngoại của ông qua đời, để lại cho cha mẹ ông ở, cha ông là ông Mai Phước H (chết năm 1997), mẹ ông là bà Lê Thị Ng (chết Ngày 18 tháng 4 năm 2017), việc ở nhờ trên đất không có giấy tờ, từ đời này sang đời khác. Sau khi cha ông qua đời, gia đình ông sống chung với mẹ đến năm 2010 thì mẹ ông dời đi nơi khác ở để căn nhà lại cho gia đình ông ở. Ông Mai Văn P xác định, căn nhà gia đình ông đang ở hiện nay nằm trên đất của ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Mai Văn P không đồng ý tháo dỡ, di dời căn nhà đi nơi khác theo yêu cầu của chị Trần Kim Ph. Đồng thời, ông Mai Văn P yêu cầu ủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N đứng tên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Văn L đại diện Ủy ban nhân dân thị xã TC trình bày:

Theo văn bản số 683/UBND-NC Ngý 28 tháng 6 năm 2017 của UBND thị xã TC, đất đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) của ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N là dạng cấp giấy chứng nhận QSDĐ ở đô thị diện rộng, tập trung.

Năm 2005, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh AG phối hợp với UBND huyện TC (Ny là thị xã TC), tổ chức đo đạc lập bản đồ địa chính đất ở của thị trấn TC (Ny là phường LT) để cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất. Sau khi đo đạc lập xong bản đồ địa chính, UBND thị trấn TC tiến hành thông báo cho các hộ dân đến kê khai, đăng ký QSDĐ.

Ông Trần Thế H kê khai, đăng ký diện tích đất đang quản lý sử dụng được UBND thị trấn TC xét duyệt, trình UBND huyện TC cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: H02681Ea ký Ngý 22 tháng 8 năm 2006 tổng diện tích là 700,50m², thửa số 38, tờ bản đồ số 17, loại đất ở 300m² + cây lâu năm 400,50m², khu đất tọa lạc tại ấp Long Thạnh A, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh AG (nay là khóm L, phường T, thị xã TC, tỉnh AG).

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Trần Thế H vợ là bà Nguyễn Thị N được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình đo đạc, kê khai, đăng ký, xét duyệt và cấp giấy chứng nhận QSDĐ không có P sinh tranh chấp.

Tại thời điểm đo đạc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Trần Thế H vợ là bà Nguyễn Thị N, trên khu đất đã có 02 căn nhà gồm: Nhà của ông Mai Văn P và nhà của bà Nguyễn Thị Yến Hà. Ông Mai Văn P và bà Nguyễn Thị Yến Hà có lập tờ cam kết xin ở tạm trên đất.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 cho đến tháng 9 năm 2015 hộ ông Mai Văn P và hộ bà Nguyễn Thị Yến Hà vẫn ở ổn định trên khu đất của ông Trần Thế H đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ và không có tranh chấp. Đến tháng 11 năm 2015 ông Trần Thế H mới khiếu nại tranh chấp với ông Mai Văn P yêu cầu ông P trả đất.

Tại khoản 3 Điều 48 Luật đất đai 2003 quy định:

Trường hợp thửa đất có nhiều cá nhân, hộ gia đình, tổ chức cùng sử dụng thì giấy chứng nhận QSDĐ được cấp cho từng cá nhân, từng hộ gia đình, từng tổ chức đồng quyền sử dụng.

Để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông H, các hộ ở trên đất của ông Trần Thế H phải ký tờ cam kết đang ở nhờ trên đất của ông H và không khiếu nại việc ông H xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Ngược lại, phía ông H cũng phải cam kết khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vẫn để cho hộ ông P và hộ bà Hà được ở bình thường, không buộc di dời trả lại đất và khi nào không còn nhu cầu ở nữa sẽ trả lại nền đất cho ông H.

Do đó, ông Trần Thế H yêu cầu hộ ông Mai Văn P trả lại đất là không phù hợp.

3.2. Theo biên bản lấy lời khai Ngy 08 tháng 3 năm 2017 của ông Huỳnh Hữu N trình bày: Đất của ông phía trên (Tây Bắc) giáp với ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N, còn phía dưới (Đông Nam) giáp với đất của ông Huỳnh Biển Thước. Ông N xác định, căn nhà của ông P và bà Ng không có lán chiếm qua đất của ông, chỉ có cái mái che lán chiếm qua đất của ông khoảng 0,5m – 0,7m chiều Ngng, khoảng 13m – 14m chiều dài Ln ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn việc tranh chấp đất giữa ông Trần Thế H với ông Mai Văn P thì ông không có ý kiến.

3.3. Anh Mai Phước K do ông Mai Văn P đại diện trình bày: Ông Mai Văn P Không đồng ý tháo dỡ, di dời căn nhà đi nơi khác theo yêu cầu của chị Trần Kim Ph. Đồng thời, ông Mai Văn P yêu cầu ủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N đứng tên.

3.4. Anh Mai Phước Q do ông Mai Văn P đại diện trình bày: Ông Mai Văn P Không đồng ý tháo dỡ, di dời căn nhà đi nơi khác theo yêu cầu của chị Trần Kim Ph. Đồng thời, ông Mai Văn P yêu cầu ủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N đứng tên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 129/2017/DSST Ngy 23 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N do chị Trần Kim Ph đại diện đối với diện tích đất 36,90m², khu đất tọa lạc tại tổ 24, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã TC, tỉnh AG.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N do chị Trần Kim Ph đại diện đối với diện tích đất 32,80m² do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh thị xã TC đo vẽ Ngy 19 tháng 7 năm 2017, khu đất tọa lạc tại tổ 24, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã TC, tỉnh AG.

3. Giữ nguyên hiện trạng cho các bên đương sự:

- Giao diện tích đất 32,80m² tại các điểm mìa số 1, 2, 5, 6, 7 và 8 theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh thị xã TC đo vẽ Ngy 01 tháng 8 năm 2017 cho gia đình ông Mai Văn P, bà Trương Thị Ng, anh Mai Phước K và anh Mai Phước Q được quyền quản lý và sử dụng, khu đất tọa lạc tại tổ 24, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã TC, tỉnh AG.

- Buộc gia đình ông Mai Văn P, bà Trương Thị Ng, anh Mai Phước K và anh Mai Phước Q phải có trách nhiệm bồi hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị N số tiền là 229.600.000 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

- Các bên đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm bà Trần Kim Ph (đại diện ủy quyền nguyên đơn) và ông Mai Văn P có đơn kháng cáo, kháng cáo bản án số 136/2017/DSST Ngý 20 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét lại K bộ bản án.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn P biểu cho rằng nguồn gốc đất là của nguyên đơn, phía bị đơn có cam kết ở nhờ trên đất Ln nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, hơn nữa phía nguyên đơn có thiện chí tự nguyện hỗ trợ di dời nhà với số tiền 5.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn buộc phía bị đơn phải di dời nhà, trả đất.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa P biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Đối với Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng khác: Từ khi thụ lý vụ án, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (Luật sư Nguyễn Thạch T) đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 75, 76 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử: hủy bản án sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ về Tòa án nhân dân thị xã TC giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Ph và ông P trong hạn luật định có tạm nộp án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa Q được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không có ý kiến khác.

Thấy rằng quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo số 36/TB-TLVADS Ngy 21/01/2016 về việc thụ lý bổ sung vụ án (BL141) để đưa bà Lê Thị Ng và UBND thị xã TC tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Theo biên bản phiên tòa Ngy 09/8/2017 của Tòa án nhân dân thị xã TC (BL 227.228.229), đã xác định bà Lê Thị Ng đã chết (theo trích lục chứng tử thì bà Ng chết vào Ngy 18/4/2017) và xác định bà Ng có 07 người con gồm: Mai Văn T, Mai Văn B, Mai Văn P, Mai Thị Gi, Mai Thị S, Mai Thị Ng và Mai Thị P.

Ngy 07/9/2017 Tòa án nhân dân thị xã TC ban hành Quyết định số 302/2017/QĐ-CCTLCC về việc yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, quyết định yêu cầu ông Mai Văn P phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Ng, thời hạn cung cấp là 15 Ngy.

Theo giấy ủy quyền ngày 02/10/2017 thể hiện, bên ủy quyền gồm: Mai Văn T, Mai Văn B, Mai Thị Gi, Mai Thị S, Mai Thị Ng và Mai Thị P. Thường trú khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã TC và bên nhận ủy quyền ông Mai Văn P, có chứng thực của Chủ tịch UBND phường LT. (BL 257).

Ngy 03/10/2017 Tòa án nhân dân thị xã TC lập biên bản lấy lời khai đối với: Mai Thị P, Lê Thị H, Mai Thị Gi, Mai Thị S, Mai Thị B với tư cách là người làm chứng.

Theo biên bản phiên tòa Ngy 20/10/2017 đại diện Viện kiểm sát thị xã TC đề nghị tạm ngừng phiên tòa với lý do: Thu thập thêm chứng cứ về việc ông Mai Văn P có tài sản khác không, ngoài chỗ ở đang tranh chấp để định hướng giải quyết vụ án. Ngoài ra, cần xác minh lời khai các anh em của ông P để giải quyết vụ án khách quan.

Tòa án nhân dân thị xã TC ban hành Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 380/2017/QĐST-DS Ngy 20/10/2017. Phần xét thấy của quyết định: “Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ mới giải quyết được vụ án”, quyết định ấn định thời điểm tiếp tục phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút Ngy 17/11/2017.

Tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa thể hiện Tòa án nhân dân thị xã TC có thu thập thêm tài liệu, chứng cứ để làm rõ nội dung đề nghị hoãn phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát Ngy 20/10/2017. Hơn nữa Quyết định tạm ngừng phiên tòa cũng như bản án sơ thẩm đều ghi bà Lê Thị Ng (chết) không ghi người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Ng.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định căn nhà đang tồn tại trên phần đất tranh chấp là của ông Mai Phước H (chết năm 1997) và bà Lê Thị Ng (chết 2017).

Từ những chứng cứ trên, cấp sơ thẩm cần phải đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Ng tham gia tố tụng để làm rõ quyền và nghĩa vụ của họ trong vụ án. Việc cấp sơ thẩm không đưa kế thừa quyền và nghĩa vụ bà Ng vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần phải hủy bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3]. *Về án phí*: Do hủy án nên án phí dân sự sơ thẩm được xem xét khi giải quyết lại vụ án, án phí dân sự phúc thẩm ông P, bà Ph (đại diện ủy quyền nguyên đơn) được nhận lại.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự,

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy bản án số 129/2017/DS-ST Ngày 23/11/2017 của Tòa án nhân dân thị xã TC về việc tranh chấp “Đòi lại tài sản quyền sử dụng đất”.

Giao K bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã TC giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Mai Văn P, bà Trần Kim Ph mỗi người được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001485 Ngày 07/12/2017 (ông P); biên lai thu số 0001473 Ngày 01/12/2017 (bà Ph) của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ Ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hữu Giàu